

Nội dung bài viết

1. [Soạn Tiếng Anh 12 Unit 2 Looking back trang 28 Sách mới](#)

Unit 2: Urbanisation

Soạn Tiếng Anh 12 Unit 2 Looking back trang 28 Sách mới

Pronunciation

1. Listen to the words containing diphthongs and put them in the correct box.

(Nghe các từ có chứa nguyên âm đôi và đặt chúng trong hộp chính xác.)

/ei/ /ai/ /oi/ /əu/ /au/ /iə/ /eə/ /ʊə/

age style destroy grow crowd here there poor

nation mine noise hope proud near wear sure

2. Listen and mark the diphthongs. Then practise saying the sentences with a partner.

(Lắng nghe và đánh dấu nguyên âm đôi. Sau đó, thực hành nói câu với một người bạn.)

Nội dung bài nghe:

1. He has **played** for this football club for more than **eight years**.
2. After working for **nine hours** without a **break**, I got very **tired**.
3. **Despite** the government environmental policies, air and **noise** pollution **remains** potentially **dangerous**.
4. The process of **growing** and harvesting **rice** is unique.
5. I've been **unemployed** for several **years** and still have not **found** a job.

Hướng dẫn dịch:

1. Anh ta đã từng chơi cho câu lạc bộ bóng đá này trong hơn tám năm.
2. Sau khi làm việc suốt chín giờ mà không nghỉ ngơi, tôi đã rất mệt mỏi.

3. Dù có chính sách môi trường của chính phủ, ô nhiễm không khí và tiếng ồn vẫn còn nguy hiểm tiềm tàng.
4. Quá trình phát triển và thu hoạch lúa là duy nhất.
5. Tôi đã thất nghiệp trong nhiều năm và vẫn chưa tìm được một công việc.

Vocabulary

1. Underline the correct word in each sentence. (*Gạch chân dưới từ chính xác ở mỗi câu.*)

1. urbanisation 2. Industrial 3. urban 4. risen 5. off

Hướng dẫn dịch

1. Tỷ lệ tội phạm cao được coi là ảnh hưởng tồi tệ nhất của đô thị hóa.
2. Các khu công nghiệp đang phát triển nhanh chóng trong khu vực đô thị.
3. Ngày càng có nhiều người di cư ra thành phố để tìm kiếm cơ hội việc làm tốt hơn.
4. Chi phí sinh hoạt tại các thành phố lớn đã tăng lên đáng kể trong những năm qua. Điều này đã gây ra rất nhiều khó khăn cho người có thu nhập thấp.
5. Buổi nói chuyện lâu và quá tải với thông tin vô ích, vì vậy tôi dừng lại.

2. Complete the sentences, using the compound adjectives in the box. (*Hoàn thành các câu, sử dụng các tính từ hỗn hợp trong hộp.*)

1. wide-ranging 2. weather-beaten 3. thought-provoking 4. never-ending 5. day-to-day

Grammar

1. Complete the following sentences, using the correct form of the verbs in brackets. (*Hoàn thành các câu sau đây, sử dụng hình thức đúng của động từ trong ngoặc đơn.*)

1. (should) organise 2. (should) be divided 3. (should) call 4. (should) be given 5. (should) support

